

Bản án số 946/2024/HS-PT

Ngày 05/12/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Tự Học;

Ông Nguyễn Vũ Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Hồng Điệp, ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1235/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Đào Đình L phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2024/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Đào Đình L, sinh năm 1977, tại tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Trọng T, con bà Đào Thị T1; có vợ Vũ Thị L1 và có 03 con; Tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án số 71 ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Đào Đình L 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày 25/9/2020 về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, chấp hành xong án phí ngày 03/9/2021; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/11/2023 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án chỉ định:** Luật sư Dương Văn P - Chi nhánh Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Hoàng Văn H1, Đỗ Mạnh D, Vũ Hoàng B, Đào Văn T2, Nguyễn Viết K, Lưu Văn T3, Nguyễn Văn C; 19 người bị hại, 09 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Viết K có em trai ruột là Nguyễn Văn C, K có quen biết với Đỗ Mạnh H2 (sinh năm 1989, trú tại: tổ dân phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) là cộng tác viên của T5, trụ sở tại Khu N, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội, T6, trụ sở tại số A, T, quận C, thành phố Hà Nội. Ngoài ra, K còn quen biết Hoàng Văn H1, Đỗ Mạnh D, Vũ Hoàng B và Đào Đình L.

Đầu năm 2023, K có liên hệ với H2, đồng thời giới thiệu H1, D, B với H2 để cả nhóm xin vào làm cộng tác viên cho Tạp chí điện tử Kinh doanh và Phát triển. Lưu Văn T3 cũng gặp và hỏi H2 về việc tuyển dụng cộng tác viên cho T6. H2 nói Tạp chí đang thiếu cộng tác viên, nếu muốn làm việc thì nộp hồ sơ cho H2 gồm sơ yếu lý lịch, đơn xin việc, giấy khám sức khỏe, căn cước công dân, giấy khai sinh phô tô công chứng và 01 bằng đại học. Do không có bằng đại học, chỉ học hết lớp 11, D muốn xin vào làm cộng tác viên nên nảy sinh ý định làm giả bằng đại học để xin việc. D tìm và kết bạn với một người không rõ thông tin, lai lịch qua ứng dụng Zalo. Sau khi trao đổi D được người này thông báo giá tiền 1.800.000 đồng/1 bằng đại học giả, D đã gửi cho người này đặt làm giả 01 bằng đại học trường đại học C2. Sau đó D tiếp tục đặt mua của người không rõ lai lịch trên cho H1 và B mỗi người một bằng đại học của Trường đại học C2.

Sau khi có bằng đại học giả thì D, H1, B, L nộp hồ sơ cho Tạp chí điện tử Kinh doanh và Phát triển. Khoảng tháng 3/2023 thì được ký hợp đồng làm cộng tác viên cho Tạp chí. Từ tháng 4/2023, H1, D, L lấy Giấy giới thiệu của Tạp chí, từ tháng 6/2023 thì B được giao nhiệm vụ thu tiền phí quản lý công tác. Vào ngày 28 hàng tháng, mỗi tháng D, H1, L sẽ nộp cho B số tiền từ 4.600.000 đồng - 5.600.000 đồng bao gồm 1.600.000 đồng tiền bảo hiểm xã hội đóng cho Tạp chí và số tiền từ 3.000.000 đồng - 4.000.000 đồng là số tiền phí công tác quản lý, lấy giấy giới thiệu, K nộp tiền trực tiếp cho Tạp chí. Hàng tuần cộng tác viên đăng ký đi địa bàn nào thì báo cho B, sau đó đến gặp B để lấy giấy giới thiệu công tác. Giấy giới thiệu công tác cấp thì đã có số, địa điểm kính gửi viết sẵn và nội dung liên hệ công tác. Tuyền, K cũng được H2 đưa xuống trụ sở của T6 để nộp hồ sơ và ký hợp đồng làm cộng tác viên. K nộp các khoản chi phí công tác quản lý cho H2, T3 không phải nộp các khoản chi phí công tác quản lý. C không ký hợp đồng với Tạp chí như hai nhóm trên.

Ngoài các bị cáo trên H1 cũng quen biết với Đào Văn T2, tuy không được tuyển dụng nhưng T2 tự giới thiệu mình là phóng viên của Tạp chí Môi trường & Sức khỏe B1, T2 cùng với Đỗ Văn H3 (tháng 10/2023 H3 mới được ký hợp đồng thử việc 02 tháng với Tạp chí điện tử V) cũng dùng các thủ đoạn tương tự như nhóm của H1 để chiếm đoạt tiền của các bị hại.

Phương thức, thủ đoạn phạm tội của các đối tượng như sau: Các đối tượng tìm hiểu thông tin về các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh để phát hiện các sơ hở, thiếu sót; sau đó, mặc dù không được sự cho phép của cơ quan báo chí nhưng các đối tượng đã mượn danh, mạo danh là phóng viên, cộng tác viên của một số cơ quan báo chí tự ý liên hệ qua điện thoại hoặc gặp trực tiếp các doanh nghiệp, cá nhân để thông tin về một số dấu hiệu vi phạm của doanh nghiệp, cá nhân hoặc lấy lý do mời ký các hợp đồng truyền thông, quảng cáo; qua đó, các đối tượng đã lợi dụng tâm lý e ngại của doanh nghiệp, cá nhân khi tiếp xúc với cơ quan báo chí để gây sức ép bằng lời nói, hành vi hoặc để các doanh nghiệp, cá nhân ngầm hiểu nếu không đưa tiền cho các đối tượng thì sẽ bị viết bài phản ánh trên báo, tạp chí hoặc thông báo vi phạm đến chính quyền địa phương... gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, cá nhân. Trong năm 2022, 2023, nhóm đối tượng trên đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của nhiều bị hại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Cụ thể như sau:

Đối với Đào Đình L: L giới thiệu là phóng viên, cộng tác viên với Tạp chí Kinh doanh và Phát triển từ tháng 4/2023 đến tháng 10/2023; Tạp chí Thương hiệu và Công luận từ tháng 10/2023, đã thực hiện 06 lần cưỡng đoạt tài sản của các bị hại, tổng số tiền chiếm đoạt 35.000.000 đồng bằng hình thức nhận tiền mặt trực tiếp hoặc chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng V1 số 106800233119 của L, số tiền hưởng lợi bất chính là 35.000.000 đồng, cụ thể:

- Từ tháng 6 đến tháng 8/2023 L chiếm đoạt tổng cộng 33.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn T4 (sinh năm 1965, trú tại: xóm T, xã P, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên) làm trang trại lợn 03 lần, 1 lần qua hình thức nhận tiền mặt trực tiếp 3.000.000 đồng vào đầu tháng 6/2023 (không xác định được ngày), 02 lần qua chuyển khoản vào ngày 06/07/2023 số tiền 20.000.000 đồng và ngày 16/8/2023 số tiền 10.000.000 đồng.

- Ngày 17/11/2023 chiếm đoạt 500.000 đồng của ông Đình Văn C1 (sinh năm 1967, trú tại: thôn T, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội) kinh doanh sản xuất gỗ ép tại xã B, huyện Đ qua hình thức nhận tiền mặt trực tiếp.

Khoảng từ tháng 4 đến tháng 7/2023 chiếm đoạt tổng cộng 1.500.000 đồng của anh Nguyễn Văn H4 (sinh năm 1985, trú tại: xóm T, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) làm nghề lái máy xúc 02 lần: 01 lần qua hình thức nhận tiền mặt trực tiếp 500.000 đồng vào tháng 4/2023 (không xác định được ngày); 01 lần qua nhận chuyển khoản 1.000.000 đồng ngày 21/7/2023.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Văn T4 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bị chiếm đoạt, bị cáo chưa bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho anh T4.

Các bị hại Nguyễn Văn H4, Đình Văn C1 không yêu cầu bị cáo Đào Đình L bồi thường.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn nêu hành vi cưỡng đoạt tài sản của các bị cáo Hoàng Văn H1, Đỗ Mạnh D, Vũ Hoàng B, Đào Văn T2, Đỗ Văn H3, Nguyễn Viết K, Lưu Văn T3 và Nguyễn Văn C, tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo này không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không đề cập xem xét hành vi của các bị cáo này.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2024/HS-ST ngày 16/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã quyết định: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Đào Đình L 48 (bốn mươi tám) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Tổng hợp với 18 tháng tù của Bản án số 71 ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2023, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2020 đến ngày 14/9/2020 của Bản án số 71 ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Hoàng Văn H1, Đỗ Mạnh D, Vũ Hoàng B, Đào Văn T2, Nguyễn Viết K, Lưu Văn T3, Nguyễn Văn C; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 24/9/2024, bị cáo Đào Đình L kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Đào Đình L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt.

Bị cáo và người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm hình phạt cho bị cáo Đào Đình L và tuyên trả bị cáo 01 điện thoại oppo và 01 máy tính Dell, không buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự 750.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đào Đình L; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tổ tụng của người tiến hành tổ tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đào Đình L thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, các kết luận giám định, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Trong năm 2022 và 2023, tại địa bàn tỉnh Thái Nguyên, các bị cáo Đào Văn T2, Đỗ Mạnh D, Đào Đình L, Vũ Hoàng B, Hoàng Văn H1, Nguyễn Viết K, Lưu Văn T3, Nguyễn Văn C, Đỗ Văn H3 đã có hành vi giới thiệu là phóng viên của các tạp chí đến gặp các chủ cơ sở kinh doanh, hoặc hộ kinh doanh hỏi về các nội dung hoạt động kinh doanh thường có sai phạm gây tâm lý lo sợ cho các cơ sở kinh doanh và hộ kinh doanh để các cơ sở kinh doanh phải chuyển tiền cho các bị cáo. Trong đó, bị cáo Đào Đình L giới thiệu là phóng viên, cộng tác viên với Tạp chí Kinh doanh và Phát triển từ tháng 4/2023 đến tháng 10/2023; Tạp chí Thương hiệu và Công luận từ tháng 10/2023, đã thực hiện 06 lần cưỡng đoạt tài sản của các bị hại tổng số tiền 35.000.000 đồng, trong đó từ tháng 6 đến tháng 8/2023 L chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn T4 33.000.000 đồng; ngày 17/11/2023 chiếm đoạt của ông Đình Văn C1 500.000 đồng; từ tháng 4 đến tháng 7/2023 chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn H4 tổng cộng 1.500.000 đồng.

Do có hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố, xét xử bị cáo Đào Đình L về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm đ khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Đào Đình L, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo diễn ra nhiều lần, trong thời gian dài gây bức xúc, dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, do đó cần phải xử phạt các bị cáo mức án phù hợp, cách ly khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo phạm tội trong

thời gian thử thách của Bản án số 71 ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đào Đình L giai đoạn truy tố không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đồng thời tại phiên tòa bị cáo cùng bị hại ông Nguyễn Văn T4 tự thỏa thuận bồi thường nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử gia đình bị cáo cung cấp giấy chứng nhận ông Đào trọng T là bố đẻ của bị cáo được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất, các bị hại Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn H4 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo tự nguyện ra đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đào Đình L không xuất được các tình tiết giảm nhẹ mới; bị cáo và người bảo vệ quyền lợi cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả bị cáo 01 điện thoại Oppo và 01 máy tính Dell, không buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự 750.000 đồng, mặc dù bị cáo không kháng cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đào Đình L không xuất được các tình tiết giảm nhẹ mới; căn cứ mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và khung hình phạt bị áp dụng, không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với 01 điện thoại Oppo A53 và 01 máy tính Dell, Tòa án sơ thẩm đã trả lại cho bị cáo và quyết định tạm giữ để đảm bảo thi hành án là đúng pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự, do bị cáo và người bị hại thỏa thuận tại phiên tòa, nên Tòa án sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự 750.000 đồng là đúng với quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Đào Đình L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đào Đình L;

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2024/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với bị cáo Đào Đình L, cụ thể như sau:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Đào Đình L 48 (bốn mươi tám) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp với 18 tháng tù của Bản án số 71 ngày 25/9/2020 của Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2023, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 10/7/2020 đến ngày 14/9/2020 của Bản án số 71 ngày 25/9/2020 của Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Về án phí: Bị cáo Đào Đình L phải nộp 200.000 đồng hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- TTG - Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo (qua TTG);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hà